

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ THỊ NGỌC CẨM

**PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG,
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Lê Thị Thu Thủy**

Phản biện 1: TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh

Phản biện 2: PGS. TS Trần Thị Huệ

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận
văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật.

Vào lúc 10 giờ 30 ngày 19 tháng 6 năm 2023

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn.....	4
7. Kết cấu Luận văn.....	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG	6
1.1. Khái niệm, đặc điểm an toàn lao động.....	6
1.1.1. Khái niệm an toàn lao động	6
1.1.2. Đặc điểm an toàn lao động.....	6
1.2. Khái quát pháp luật về an toàn lao động.....	7
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về an toàn lao động	7
1.2.2. Các nguyên tắc an toàn lao động	8
1.2.3. Nội dung quy định pháp luật về an toàn lao động	9
1.2.4. Vai trò của pháp luật về an toàn lao động.....	10
1.3. Một số yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật về an toàn lao động... 10	10
Tiểu kết Chương 1.....	12
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH	13
2.1. Thực trạng pháp luật về an toàn lao động.....	13
2.1.1. Quyền và nghĩa vụ về an toàn lao động của người lao động.....	13
2.1.2. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động. 13	13
2.1.3. Trách nhiệm của tổ chức đại diện người lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động	13
2.1.5. Các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, có hại cho người lao động ..	14

2.1.6. Đánh giá thực trạng pháp luật về an toàn lao động.....	14
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại tỉnh Quảng Bình.....	15
2.2.1. Kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại tỉnh Quảng Bình.....	15
2.2.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại tỉnh Quảng Bình	15
Tiểu kết Chương 2	17
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG	18
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động.....	18
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động	18
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn lao động..	18
3.3.1. Một số giải pháp chung	18
3.3.2. Một số giải pháp tại tỉnh Quảng Bình	19
Tiểu kết Chương 3	20
KẾT LUẬN	21
TÀI LIỆU THAM KHẢO	22

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Phát biểu tại Hội nghị cán bộ Công đoàn toàn quốc ngày 14/3/1959 tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "... Chúng ta phải chú trọng con người, nhất là công nhân, vì công nhân là vốn quý nhất của xã hội. Chúng ta cần phải hết sức bảo vệ, không để xảy ra tai nạn lao động". Thực hiện theo lời Bác dạy, an toàn lao động luôn là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe người lao động, tài sản của doanh nghiệp và của Nhà nước. Đặc biệt, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, công tác an toàn lao động càng được các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người lao động quan tâm, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời gian qua, công tác đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu tai nạn lao động của nước ta đã có những chuyển biến tích cực; pháp luật về an toàn lao động đang được hoàn thiện; vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến công tác an toàn lao động và quản lý nhà nước về an toàn lao động được nâng cao.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, tình hình tai nạn lao động vẫn còn diễn biến khá phức tạp, đặc biệt là trong khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động; ý thức chấp hành pháp luật về an toàn lao động của các chủ thể trong quan hệ lao động chưa cao; công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động chưa đạt được kết quả như mong muốn; hệ thống quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn lao động của một số ngành, lĩnh vực còn lạc hậu, không phù hợp với thực tế, cần phải điều chỉnh, bổ sung; một số văn bản được hướng dẫn chậm nên thiếu đồng bộ; một số nội dung của văn bản hướng dẫn còn chồng chéo, mâu thuẫn gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

Những năm qua, cùng với sự phát triển chung của cả nước, kinh tế tỉnh Quảng Bình tiếp tục có chuyển biến tích cực. Đội ngũ công nhân lao động trong tỉnh tăng nhanh về số lượng, nâng cao về chất lượng và đa dạng hơn về cơ cấu. Các chương trình, các dự án đầu tư, sự mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp Nhà nước và sự phát triển của các doanh nghiệp dân doanh đã thu hút hàng nghìn lao động. Tiền lương, thu nhập đáp ứng được yêu cầu cho cuộc sống tối thiểu của người lao động, đồng thời việc thực hiện pháp luật lao động trong các doanh nghiệp nhìn chung được bảo đảm, quan hệ lao động từng bước được cải thiện.

Tuy nhiên, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chủ yếu vẫn là doanh nghiệp có quy mô nhỏ chiếm đa số, lao động phần lớn xuất thân từ nông dân nên thường xuyên biến động, thiếu tính ổn định lâu dài. Đa phần công nhân chưa có tác phong công nghiệp; ý thức tổ chức kỷ luật, trình độ hiểu biết về chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và về an toàn lao động nói riêng còn nhiều hạn chế.

Việc thực thi pháp luật lao động nói chung và Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 nói riêng trong công nhân lao động tỉnh Quảng Bình ngày càng trở thành một vấn đề đáng quan tâm, nhằm mục đích bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình trong thời gian tới. Đó là lý do tác giả lựa chọn đề tài: **“Pháp luật về an toàn lao động, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình”** để nghiên cứu và thực hiện Luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Ở nước ta, trong những năm qua đã có một số công trình nghiên cứu, bài viết liên quan trực tiếp, gián tiếp hoặc có liên quan đến vấn đề, có thể kể đến:

Hà Phương Thảo (2018), *Pháp luật an toàn lao động, vệ sinh lao động từ thực tiễn thực hiện tại tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Tác giả nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn lao động, vệ sinh lao động và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Lạng Sơn.

Trần Thanh Minh (2019), *Pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Ninh Thuận*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả nghiên cứu các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, thực trạng thực hiện tại tỉnh Ninh Thuận. Từ đó đưa ra định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Phạm Văn Bình (2019), *An toàn lao động theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Tác giả đi sâu nghiên cứu các quy định của pháp luật về an toàn lao động, đánh giá thực trạng pháp luật về an toàn lao động và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Trị, từ đó đưa ra định hướng và các giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật an toàn lao động.

Nguyễn Hoàng Long (2020), *Hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Tác giả khái quát cơ bản những quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Từ đó nêu ra thực trạng và đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Đỗ Hồng Vân (2021), *Pháp luật về quyền lợi của người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Tác giả nghiên cứu các quy định của pháp luật về quyền lợi của người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đánh giá thực trạng, chỉ ra một số hạn chế và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền lợi của người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tuy nhiên, về tổng thể, các công trình nghiên cứu trên nhìn chung chỉ đề cập tới tổng quan lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; quyền lợi của người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thực tiễn thực hiện pháp luật an toàn, vệ sinh lao động tại các địa phương... Vẫn còn ít công trình khoa học xem

xét đến khía cạnh pháp luật về an toàn lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Do đó, có thể nói việc nghiên cứu đề tài: “**Pháp luật về an toàn lao động, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình**” là cần thiết.

Luận văn kế thừa một số nội dung sau:

Về lý luận, Luận văn kế thừa một số khái niệm, đặc trưng, vai trò, bản chất của an toàn lao động.

Về thực tiễn thực hiện, Luận văn kế thừa những gợi mở về giải pháp hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động trong các doanh nghiệp.

Luận văn nghiên cứu chuyên sâu hơn về những vấn đề lý luận của pháp luật Việt Nam về an toàn lao động, chỉ ra thực trạng an toàn lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam tại Quảng Bình, từ đó đưa ra định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của Luận văn là nghiên cứu những vấn đề lý luận về an toàn lao động, pháp luật an toàn lao động và qua thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Bình đề xuất những định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn lao động.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục đích nêu trên, Luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận về an toàn lao động, pháp luật an toàn lao động.

Hai là, phân tích, đánh giá thực trạng quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Bình.

Ba là, đưa ra định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật an toàn lao động.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu vấn đề an toàn lao động dưới góc độ pháp luật, trong phạm vi pháp luật lao động, cụ thể là các quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại tỉnh Quảng Bình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về an toàn lao động, trong phạm vi Bộ luật Lao động năm 2019 và Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 với những nội dung có tác động trực tiếp tới sức khỏe, tính mạng của người lao động, cụ thể 05 vấn đề: Quyền và nghĩa vụ về an toàn lao động của người lao động; Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động; Trách nhiệm của tổ chức Công đoàn trong việc bảo đảm an toàn lao động; Trách nhiệm của người

sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, có hại cho người lao động.

Phạm vi về không gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại tỉnh Quảng Bình.

Phạm vi về thời gian: từ giai đoạn năm 2017 đến năm 2022.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn nghiên cứu dựa trên các phương pháp và cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lê Nin về nhà nước và pháp luật, phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; những quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe người lao động cũng như các vấn đề xã hội có liên quan.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích và tổng hợp
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp diễn giải quy nạp
- Phương pháp hệ thống hóa
- Phương pháp nghiên cứu điển hình

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn

** Về mặt khoa học*

Luận văn đã đề cập tương đối hệ thống và giải quyết khá toàn diện một số nội dung cơ bản và tiêu biểu của an toàn lao động và pháp luật về an toàn lao động, cụ thể: phân tích, làm sáng rõ hơn những vấn đề lý luận về khái niệm, đặc điểm của an toàn lao động, nguyên tắc đảm bảo an toàn lao động, vai trò của pháp luật về an toàn lao động cũng như nội dung cơ bản của pháp luật về an toàn lao động. Từ đó, tạo lập khung cơ sở lý thuyết làm căn cứ khoa học cho việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn thực thi pháp luật về an toàn lao động.

** Về mặt thực tiễn*

Luận văn tập trung phân tích và đưa ra những đánh giá một cách khách quan về thực trạng thực thi pháp luật hiện hành, chỉ rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thực thi pháp luật nói chung và tại tỉnh Quảng Bình nói riêng nhằm đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật cũng như giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về an toàn lao động trong thời gian tới. Chỉ khi tất cả các chủ thể trong xã hội cùng nhau có ý thức, cùng hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng của an toàn lao động thì mới cùng nhau tự giác thực hiện pháp luật đem lại hiệu quả cao nhất.

Giá trị tham khảo: Luận văn có thể được sử dụng trong hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và làm tài liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo.

7. Kết cấu Luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Nội dung Luận văn được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về an toàn lao động

Chương 2: Thực trạng pháp luật về an toàn lao động và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Bình

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn lao động

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm an toàn lao động

1.1.1. Khái niệm an toàn lao động

Khái niệm ATLĐ được tiếp cận ở nhiều góc độ như kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật hay pháp luật với phạm vi rộng, hẹp khác nhau. Song, về cơ bản có thể hiểu ATLĐ là tập hợp các biện pháp nhằm phòng chống tác động của các YTNH, có hại phát sinh trong quá trình lao động nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho NLĐ. Việc thực hiện tốt ATLĐ sẽ giúp hạn chế, giảm thiểu tối đa những thương tích, thiệt hại về tính mạng và tài sản cho NLĐ cũng như doanh nghiệp. Không chỉ dừng lại ở đó, mục đích của ATLĐ còn thực hiện việc phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho NLĐ.

Dưới góc độ kỹ thuật, *“An toàn lao động là tình trạng điều kiện lao động không gây ra sự nguy hiểm trong sản xuất”*.

Dưới góc độ ngôn ngữ, ATLĐ là sự kết hợp giữa hai khái niệm “an toàn” và “lao động”, trong đó “an toàn” là *“yên ổn trọn vẹn”* và “lao động” là *“hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra các loại sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội”*, vì vậy, ATLĐ có thể được hiểu là điều kiện làm việc mà trong quá trình hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra những sản phẩm vật chất, tinh thần được diễn ra một cách yên ổn trọn vẹn, tránh được những tai nạn có thể xảy ra.

Dưới góc độ pháp lý, *ATLĐ là tổng hợp những quy phạm pháp luật quy định các biện pháp bảo đảm ATLĐ nhằm ngăn ngừa TNLĐ, BNN và cải thiện điều kiện lao động cho NLĐ*.

Trong phạm vi của Luận văn này, *“An toàn lao động là tổng thể các biện pháp đảm bảo cho NLĐ được làm việc trong một điều kiện an toàn, không phải đối mặt với bất kỳ mối nguy hại nào về tính mạng, sức khỏe, đồng thời duy trì tốt khả năng làm việc lâu dài của NLĐ”*.

1.1.2. Đặc điểm an toàn lao động

Thứ nhất, ATLĐ mang tính khoa học kỹ thuật.

Công tác ATLĐ phụ thuộc rất lớn vào trình độ kỹ thuật của mỗi xã hội, trình độ càng tiến bộ thì điều kiện lao động càng được cải thiện. Bản chất của tiến bộ khoa học kỹ thuật chính là việc sử dụng máy móc để giảm bớt sức lao động, hạn chế những tác động có hại tới sức khỏe của NLĐ, tiến tới loại bỏ hoàn toàn các YTNH, độc hại trong môi trường lao động.

Thứ hai, ATLĐ mang tính chất pháp lý.

Pháp luật là một trong những công cụ hữu hiệu nhất để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý xã hội của mình và ATLĐ là một trong những vấn đề xã hội quan trọng chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Muốn các giải pháp khoa học kỹ thuật về phòng, chống TNLĐ, BNN được thực hiện một cách đồng bộ và

nghiêm minh thì các nội dung này phải được thể chế hóa thành các quy định pháp luật có tính chất “bắt buộc”.

Thứ ba, ATLD mang tính quần chúng.

Tính quần chúng được thể hiện ở việc không chỉ NLĐ mà cả NSDLĐ và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác đều có trách nhiệm thực hiện ATLD. Chỉ có quần chúng tự giác thực hiện thì mới ngăn chặn được TNLD.

1.2. Khái quát pháp luật về an toàn lao động

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về an toàn lao động

Có thể hiểu pháp luật ATLD như sau: *Pháp luật ATLD là tổng hợp các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực ATLD, quy định các điều kiện ATLD, các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoặc khắc phục những yếu tố nguy hiểm, có hại trong môi trường lao động nhằm bảo vệ sức khỏe, tính mạng cho NLĐ, hạn chế TNLD, BNN.*

Pháp luật ATLD là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc dẫn dắt, hướng dẫn và buộc các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của doanh nghiệp, nhà nước và nhân dân. Từ việc nghiên cứu hệ thống pháp luật ATLD, dễ dàng nhận thấy các quy phạm pháp luật ATLD có những đặc điểm riêng so với pháp luật ở các lĩnh vực khác, cụ thể:

Thứ nhất, pháp luật ATLD có tính chất quyền uy và phục tùng, được quy định theo các bước chặt chẽ, đòi hỏi phải được thực thi nghiêm chỉnh.

Sở dĩ đây là một đặc điểm đặc trưng riêng của pháp luật ATLD, bởi lẽ, nếu không tuân thủ hoặc tuân thủ không nghiêm túc sẽ dẫn đến nguy cơ xảy ra TNLD, BNN, thiệt hại cả vật chất lẫn tinh thần vô cùng to lớn.

Thứ hai, pháp luật ATLD có nguồn luật điều chỉnh khá phong phú, đa dạng.

Bên cạnh các Công ước, Điều ước quốc tế mà quốc gia là thành viên, các quy phạm pháp luật về ATLD còn chịu sự điều chỉnh của nhiều cơ quan quản lý nhà nước ở các lĩnh vực khác nhau. Ở bất cứ lĩnh vực, ngành nghề nào có sản xuất, kinh doanh thì đều có nguy cơ xảy ra TNLD, BNN, do đó, các cơ quan có thẩm quyền đều phải đặt ra những quy định riêng cho từng lĩnh vực nhằm bảo đảm ATLD cho ngành mình phụ trách trên cơ sở pháp luật chung.

Thứ ba, các quy định của pháp luật về ATLD có tính phòng ngừa cao.

Trong số các mục tiêu hướng đến của pháp luật về ATLD thì tính phòng ngừa có ý nghĩa vô cùng quan trọng, vì mỗi tình huống, mỗi công đoạn được lường trước, được chuẩn bị kỹ lưỡng, sự phòng ngừa càng tốt bao nhiêu thì chất lượng của công tác ATLD càng tốt bấy nhiêu. Ngược lại, nếu các biện pháp phòng ngừa không được chuẩn bị kỹ lưỡng sẽ gây mất ATLD, dẫn đến mất của, mất người và sự trả giá là quá đắt, khó có thể bồi thường thỏa đáng.

Thứ tư, pháp luật ATLD thể hiện tính quần chúng.

Đặc điểm này xuất phát từ một trong những đặc trưng của ATLĐ, đó là ATLĐ mang tính quần chúng. Như đã phân tích ở trên chỉ khi quần chúng lao động, cả NLĐ và NSDLĐ nhận thức rõ được tầm quan trọng của ATLĐ và tự giác thực hiện thì pháp luật ATLĐ mới phát huy hết hiệu quả trên thực tế.

1.2.2. Các nguyên tắc an toàn lao động

Một là, nguyên tắc Nhà nước quy định nghiêm ngặt chế độ ATLĐ.

Mỗi người chỉ có duy nhất một sinh mạng và một cơ thể khỏe mạnh, và ATLĐ là một trong những biện pháp hữu hiệu có thể bảo vệ sức khỏe, tính mạng của NLĐ. Xuất phát từ tầm quan trọng này mà Nhà nước đã quy định nghiêm ngặt chế độ ATLĐ từ khâu xây dựng, ban hành văn bản pháp luật cho đến tổ chức thực hiện và xử lý vi phạm.

Hai là, nguyên tắc bảo đảm quyền của NLĐ được làm việc trong điều kiện ATLĐ.

Quyền được làm việc trong điều kiện ATLĐ là quyền yêu cầu thực hiện những biện pháp phòng chống các tác động của các yếu tố nguy hiểm, có hại phát sinh trong khi thực hiện công việc, giúp giảm thiểu tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp cho NLĐ.

Ba là, nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ và toàn diện.

Sự đồng bộ và toàn diện ở đây được thể hiện qua nhiều khía cạnh khác nhau như: đồng bộ trong việc xây dựng, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; toàn diện trong sự tham gia của tất cả đối tượng có liên quan đến công tác đảm bảo ATLĐ nhằm đảm bảo sức khỏe tính mạng của bản thân NLĐ và môi trường lao động; đồng bộ và toàn diện trong việc kiểm tra, kiểm định, sử dụng máy móc, thiết bị, công cụ lao động...

Bốn là, nguyên tắc đảm bảo tính dự đoán trước nguy cơ xảy ra TNLĐ.

Không đề “mất bò mới lo làm chuồng” vì khi đó đã phải trả giá đắt cho việc thiếu phòng ngừa. Vì vậy, khi ban hành một văn bản pháp luật hoặc xây dựng một chương trình hành động quốc gia nói chung hay kế hoạch ATLĐ trong phạm vi doanh nghiệp nói riêng thì việc phân tích, đánh giá điều kiện lao động, yếu tố ảnh hưởng, tác động đến điều kiện lao động, đoán trước các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra để áp dụng những biện pháp phòng ngừa là vô cùng quan trọng, góp phần giảm thiểu đáng kể TNLĐ.

Năm là, nguyên tắc tuân thủ đầy đủ các biện pháp ATLĐ trong quá trình lao động; ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, loại trừ, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong quá trình lao động.

Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 cùng với Bộ luật Lao động năm 2019 và các văn bản quy phạm khác quy định rất chặt chẽ về các điều kiện ATLĐ, các tiêu chuẩn để đảm bảo NLĐ được an toàn khi thực hiện công việc, các nghĩa vụ, quyền hạn đảm bảo an toàn cho NLĐ tại nơi làm việc... Những chủ thể là đối tượng áp dụng của các văn bản quy phạm pháp luật này có trách

nhiệm tuân thủ pháp luật về các vấn đề được các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Sáu là, nguyên tắc đảm bảo tính kịp thời.

Tính kịp thời là một nguyên tắc quan trọng của công tác đảm bảo ATLĐ, không chỉ thể hiện trong việc ứng phó nhằm loại bỏ YTNH, độc hại gây mất ATLĐ mà còn nhanh chóng, kịp thời xử lý, giải quyết hậu quả khi đã xảy ra tình huống mất an toàn nhằm hạn chế tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

Bảy là, nguyên tắc đề cao, đảm bảo quyền và trách nhiệm của công đoàn trong việc thực hiện ATLĐ.

Công đoàn là một tổ chức chính trị - xã hội và là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của NLD. Từ vị thế của mình, công đoàn có nhiều thế mạnh khi tham gia các quan hệ với NSDLĐ, đặc biệt là trong lĩnh vực ATLĐ để bảo vệ quyền lợi của NLD. Mặt khác, như đã phân tích ở trên, công tác ATLĐ mang tính quần chúng, các hoạt động ATLĐ phải được tất cả NLD trong doanh nghiệp thực hiện một cách tự giác, nghiêm túc thì mới đạt hiệu quả cao. Do vậy, công đoàn, với tư cách đại diện quần chúng lao động của mình, hoàn toàn có khả năng thuyết phục, động viên NLD thực hiện tốt những quy định về ATLĐ.

1.2.3. Nội dung quy định pháp luật về an toàn lao động

1.2.3.1. Nội dung pháp luật về an toàn lao động

Thứ nhất, thừa nhận quyền được làm việc trong môi trường an toàn của NLD.

Thứ hai, yêu cầu xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn về ATLĐ cho NLD.

Thứ ba, xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn ATLĐ trong từng ngành.

Thứ tư, ghi nhận và bảo đảm thực thi các biện pháp phòng, chống, kiểm soát các YTNH, có hại cho NLD.

Thứ năm, yêu cầu sử dụng các biện pháp kiểm soát và áp dụng chế tài xử lý phù hợp đối với những hành vi vi phạm.

1.2.3.2. Quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động

** Quyền và nghĩa vụ về an toàn lao động của người lao động*

Quy định tại Điều 6 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

** Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động*

Quy định tại Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

** Trách nhiệm của tổ chức đại diện người lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động*

Quy định tại Điều 9 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

** Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*

Quy định tại Điều 38 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

** Các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, có hại cho người lao động*

Quy định tại Điều 3, 4, 5, 6 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

1.2.4. Vai trò của pháp luật về an toàn lao động

Thứ nhất, pháp luật lao động thể chế hóa, triển khai những quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về ATLĐ một cách kịp thời, đồng bộ, rộng khắp trên quy mô toàn quốc, tạo khung pháp lý để các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý nhà nước về ATLĐ. Để có một môi trường làm việc an toàn thì NSDLĐ phải xây dựng quy trình ATLĐ tại nơi làm việc, phải đầu tư các trang thiết bị bảo hộ lao động cho NLĐ... tốn kém cả vật chất lẫn tinh thần.

Thứ hai, pháp luật ATLĐ có ý nghĩa quan trọng đối với mọi NLĐ. Bất cứ NLĐ nào cũng mong muốn được làm việc trong một môi trường an toàn, được đảm bảo cả sức khỏe lẫn thu nhập. Pháp luật ATLĐ giúp Nhà nước kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các cơ quan, tổ chức, NSDLĐ và NLĐ trong việc thực hiện công tác ATLĐ nhằm bảo vệ lợi ích của NLĐ, NSDLĐ, bảo vệ tính mạng, tài sản của các chủ thể và bảo đảm lợi ích quốc gia và xã hội.

Thứ ba, pháp luật ATLĐ đóng vai trò to lớn, góp phần không nhỏ trong chiến lược phát triển kinh tế của Nhà nước. TNLĐ, BNN xảy ra trong quá trình lao động là điều không ai mong muốn, tuy nhiên nếu thực hiện một cách nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về ATLĐ thì nguy cơ xảy ra TNLĐ, sự cố kỹ thuật sẽ được hạn chế, từ đó lợi ích kinh tế đổi lại không hề nhỏ.

Thứ tư, pháp luật ATLĐ góp phần thể hiện vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Trước chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa hiện nay, pháp luật ATLĐ còn khẳng định tên tuổi của quốc gia trên các diễn đàn quốc tế, các quan hệ song phương và đa phương mà Việt Nam là thành viên, đóng vai trò đảm bảo sự cam kết của Việt Nam khi bước vào sân chơi quốc tế bằng việc đặt ra các tiêu chuẩn ATLĐ, quy chuẩn kỹ thuật tương thích với các Công ước quốc tế, Điều ước quốc tế...

1.3. Một số yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật về an toàn lao động

Thứ nhất, chính sách về ATLĐ.

Về phía quản lý nhà nước, có thể thấy có rất nhiều chính sách ảnh hưởng đến quan hệ lao động, tuy nhiên quan trọng nhất là Bộ luật Lao động, trong đó quy định về điều kiện lao động, thời gian làm việc, điều kiện làm việc, phúc lợi xã hội... Bộ luật Lao động năm 2019 bắt buộc tất cả những tổ chức, cá nhân có liên quan đến lao động, sản xuất đều phải tuân theo quy định của pháp luật về ATLĐ. Nói cách khác, ở đâu có việc làm, có NLĐ thì ở đó cần được bảo đảm về ATLĐ.

Thứ hai, vai trò cơ quan quản lý Nhà nước về lao động.

Ở nước ta, chức năng quản lý Nhà nước về ATLĐ được phân định rõ, tập trung chủ yếu vào xây dựng và ban hành chính sách, văn bản pháp luật; hướng

dẫn, tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật; thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật ATLĐ và các hoạt động khác được pháp luật quy định.

Thứ ba, vai trò của tổ chức đại diện NLĐ.

Vai trò của tổ chức đại diện NLĐ được thể hiện thông qua tham gia ý kiến, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ được thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau.

Thứ tư, sự nhận thức của NLĐ và NSDLĐ.

Có thể nói ATLĐ hiện nay cần được sự quan tâm từ nhiều phía. Tuy nhiên, yếu tố tiên quyết vẫn là nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của NLĐ và NSDLĐ trên cơ sở thực hiện đúng những quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động hiện hành.

Thứ năm, hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra là một trong những hoạt động chuyên ngành của thanh tra Nhà nước về lao động, mục đích của thanh tra ATLĐ là đảm bảo an toàn về vận hành, sử dụng các phương tiện, thiết bị và nơi làm việc, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của sản xuất kinh doanh.

Tiểu kết Chương 1

An toàn lao động là yêu cầu cơ bản nhưng lại đặc biệt quan trọng của quá trình sản xuất kinh doanh, là vấn đề mang tính toàn cầu nhằm tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, bảo đảm sức khỏe và tính mạng cho người lao động.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác an toàn lao động đối với sự phát triển bền vững của đất nước, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã gia nhập nhiều tổ chức song phương và đa phương, là thành viên của nhiều cam kết quốc tế quan trọng trong lĩnh vực an toàn lao động. Việc ghi nhận an toàn lao động là một chế định riêng biệt trong Bộ luật Lao động cũng như việc ban hành một đạo luật riêng - Luật An toàn, vệ sinh lao động được coi là bước tiến bộ vượt bậc của Việt Nam trong xây dựng pháp luật nhằm tạo khung pháp lý vững chắc làm cơ sở cho quản lý nhà nước đối với một vấn đề quan trọng. Nghiên cứu, phân tích một số nội dung cơ bản, tiêu biểu của pháp luật về an toàn lao động, tác động trực tiếp tới việc thực hiện pháp luật của con người như quyền và nghĩa vụ về an toàn lao động của người lao động; trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động; khắc phục hậu quả do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, có hại cho người lao động và thanh tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực an toàn lao động nhằm cung cấp một cái nhìn dưới góc độ pháp lý thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với công tác an toàn lao động ở nước ta hiện nay.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Thực trạng pháp luật về an toàn lao động

2.1.1. Quyền và nghĩa vụ về an toàn lao động của người lao động

NLĐ có quyền từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy nó có nguy cơ xảy ra TNLĐ, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình và phải có trách nhiệm báo ngay với người phụ trách trực tiếp, từ chối trở lại nơi làm việc nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục. NLĐ còn có quyền khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi NSDLĐ vi phạm quy định của Nhà nước hoặc

không thực hiện đúng các giao kết về ATLĐ trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết giữa các bên.

NLĐ phải có nghĩa vụ chấp hành các quy định, nội quy về ATLĐ có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao. Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được NSDLĐ trang bị và cung cấp, các thiết bị an toàn nơi làm việc, nếu NLĐ làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường. Có nghĩa vụ báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây TNLĐ, BNN, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả TNLĐ khi có lệnh của NSDLĐ và của các cơ quan chức năng Nhà nước có thẩm quyền.

2.1.2. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động

NSDLĐ cũng phải có trách nhiệm trong việc đảm bảo ATLĐ trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu NSDLĐ thực hiện việc đảm bảo ATLĐ tốt sẽ giảm thiểu đáng kể TNLĐ.

2.1.3. Trách nhiệm của tổ chức đại diện người lao động trong việc bảo đảm an toàn lao động

Trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình, tổ chức đại diện NLĐ có trách nhiệm tham gia với cơ quan Nhà nước xây dựng chương trình quốc gia về ATLĐ như xây dựng pháp luật về ATLĐ.

Trong phạm vi đơn vị cơ sở, công đoàn cơ sở và tổ chức của NLĐ tại doanh nghiệp phối hợp với NSDLĐ tuyên truyền giáo dục NLĐ tuân thủ các quy định về ATLĐ. Tổ chức đại diện NLĐ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về ATLĐ, có trách nhiệm yêu cầu cơ quan Nhà nước hữu quan và NSDLĐ thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn ATLĐ; có quyền yêu cầu người có trách nhiệm tạm ngưng hoạt động ở những nơi có nguy cơ gây TNLĐ, tham gia điều tra TNLĐ và có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý người có trách nhiệm để xảy ra TNLĐ.

2.1.4. Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Khi NLD bị TNLD thì phía NSDLĐ có nghĩa vụ bồi thường cho NLD dựa vào tỉ lệ suy giảm khả năng lao động và lỗi của NLD, nếu không hoàn toàn do lỗi của NLD thì sẽ bồi thường ít nhất 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5 - 10%, sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11 - 80%, trường hợp NLD bị TNLD mà do lỗi của chính NLD thì mức trợ cấp ít nhất bằng 40% của mức bồi thường theo trường hợp không do lỗi của NLD.

2.1.5. Các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, có hại cho người lao động

Việc xác định rõ nguồn gốc, mức độ và ảnh hưởng của các YTNH, có hại đối với con người để đề ra các biện pháp làm giảm, tiến đến loại trừ các yếu tố đó, hay nói một cách khác là quản lý và kiểm soát chặt chẽ, có hiệu quả các mối nguy hiểm nghề nghiệp đó là một trong những nội dung quan trọng nhất để cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cho NLD.

2.1.6. Đánh giá thực trạng pháp luật về an toàn lao động

* Kết quả đạt được

Đây là lần đầu tiên, các quy định bảo hộ lao động, ATLD được quy định tại một văn bản luật.

Bộ luật Lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động đã đề cập những yêu cầu, nghĩa vụ của NSDLĐ, NLD, các cơ quan quản lý và các chế độ, chính sách cho NLD bị TNLD, BNN, bảo hiểm TNLD, BNN; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cho những đối tượng lao động làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; các yêu cầu với lao động nữ, lao động vị thành niên, lao động là người cao tuổi.

Hệ thống pháp luật đã xác lập cụ thể trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của NSDLĐ, NLD và các cơ quan, tổ chức liên quan.

Quá trình hình thành và từng bước hoàn thiện các quy định của pháp luật về ATLD đã đảm bảo đúng các yêu cầu và trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

* Một số tồn tại, hạn chế

Một số quy định của pháp luật về ATLD còn chưa theo kịp sự phát triển của kinh tế thị trường, chưa đáp ứng các yêu cầu của hội nhập thương mại quốc tế, chưa theo kịp sự phát triển của xã hội...

Một số quy định của Luật còn chưa khả thi khi áp dụng trong thực tế, chưa ban hành được văn bản quy định chi tiết, dẫn đến vướng mắc trong triển khai thực hiện.

Một số chính sách, chế độ về thời giờ làm việc, thời giờ làm thêm, về ATVSLĐ cần có sự điều chỉnh linh hoạt, phù hợp hơn với điều kiện phát triển của kinh tế, xã hội.

Các quy định về ATLĐ vẫn chưa thống nhất và toàn diện, vẫn còn tình trạng chồng chéo, trùng lặp các quy định về ATLĐ trong các văn bản pháp luật như Luật Hóa chất, Luật Xây dựng, Luật Điện lực, Luật Bảo vệ môi trường...

Việc triển khai phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật xuống cơ sở để doanh nghiệp, NSDLĐ, NLD nắm được còn rất hạn chế, nhất là đối với cán bộ cấp xã, phường.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại tỉnh Quảng Bình

2.2.1. Kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại tỉnh Quảng Bình

Thời gian qua công tác đảm bảo ATLĐ có sự chuyển biến khá tốt, đã có những bước chuyển biến tích cực; các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh quan tâm hơn về công tác ATLĐ, đầu tư để cải tiến dây chuyền công nghệ nhằm cải thiện điều kiện lao động, quản lý chặt chẽ về ATLĐ; nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào thực tế sản xuất phục vụ cho mục đích cải thiện điều kiện lao động, nhằm giảm thiểu tác động môi trường, hạn chế TNLĐ và BNN.

Công tác quản lý nhà nước về ATLĐ ngày càng được quan tâm, hệ thống pháp luật về ATLĐ ngày càng hoàn thiện. Không có TNLĐ liên quan đến các loại thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ và những vụ TNLĐ chết người được điều tra giải quyết chế độ 100%.

Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về công tác ATLĐ cho NSDLĐ và NLD về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác ATLĐ và tổ chức huấn luyện ATLĐ cho NLD sử dụng các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ, người làm các nghề có nguy cơ cao về TNLĐ, BNN.

2.2.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại tỉnh Quảng Bình

*** Hạn chế**

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về ATLĐ cho NLD chưa được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm đúng mức; khả năng kiểm soát, giám sát ATLĐ của các cơ quan chức năng còn hạn chế.

Việc thực thi pháp luật về ATLĐ ở một số cơ sở lao động vẫn chưa nghiêm, tình trạng vi phạm tiêu chuẩn, quy chuẩn ATLĐ còn xảy ra.

- Các chế độ, chính sách bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe NLD còn nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm.

- Việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ATLĐ đối với các máy móc, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ còn nhiều đơn vị thực hiện chưa tốt.

- Việc triển khai công tác ATLĐ-PCCN còn nhiều hạn chế : Chưa đúng nội dung, không kịp thời, không thiết thực, hiệu quả thấp...

- Công tác tự kiểm tra, giám sát ATLĐ tại cơ sở, doanh nghiệp chưa thường xuyên và không có sổ theo dõi, thống kê.

Chưa giải quyết đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn đối với lao động đặc thù.

Đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ, nhà xưởng, thiết bị sản xuất phần lớn là những thiết bị cũ, lạc hậu, mua lại hoặc chưa có điều kiện để mua sắm mới, trình độ công nghệ thấp, NSDLĐ và NLĐ hiểu biết về pháp luật lao động còn rất ít, tổ chức công đoàn cơ sở hầu như chưa có.

* Nguyên nhân

Về phía NSDLĐ, nhiều doanh nghiệp chỉ quan tâm đến lợi nhuận mà chưa thực sự thấy được ý nghĩa cũng như hiểu được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo ATLĐ cho NLĐ.

NLĐ chưa có nhận thức đúng đắn về vấn đề ATLĐ, không được trang bị đầy đủ kiến thức cũng như không được cung cấp những thông tin thực tế về các vụ TNLĐ, do vậy mà lơ là, bất cẩn, không thấy được những hệ lụy nghiêm trọng đối với sức khỏe, thậm chí là với tính mạng của bản thân khi TNLĐ xảy ra.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ATLĐ chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn và chưa kịp thời. Đội ngũ cán bộ thanh tra vừa thiếu về số lượng lại vừa yếu về chất lượng.

Hoạt động của tổ chức công đoàn. Trong những năm qua tổ chức công đoàn đã có nhiều hoạt động thiết thực nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và sức khỏe cho NLĐ tại nơi làm việc, tuy nhiên, vẫn còn đó những hạn chế nhất định. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo công đoàn các cấp chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tác động của công tác ATLĐ đối với đời sống NLĐ, do đó, chưa thực sự quan tâm, coi trọng thực hiện ATLĐ.

Mức độ quan tâm tới vấn đề ATLĐ của các cấp chính quyền, người đứng đầu các tổ chức, cơ quan còn thấp, buông lỏng trong việc quản lý, tổ chức giám sát thực hiện quy định của pháp luật. Thêm vào đó, công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về ATLĐ chưa sát sao, còn mang tính hình thức, thiên về đưa tin các vụ việc, thiếu các giải pháp cảnh báo, phòng ngừa mang tính khả thi cao phù hợp với từng địa bàn trước tình hình TNLĐ diễn biến khá phức tạp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện nay.

Tiểu kết Chương 2

An toàn lao động là một nội dung vô cùng quan trọng cần được triển khai sâu rộng ở tất cả các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, nơi luôn tiềm ẩn yếu tố nguy hiểm, có hại tác động xấu tới sức khỏe và tính mạng con người, với nhiều máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật về an toàn lao động trên đại bàn tỉnh Quảng Bình đã phân nào cung cấp một cái nhìn tổng thể nhưng đầy chân thực về thực tế thực hiện pháp luật an toàn lao động ở một địa phương cụ thể. Có thể thấy, bên cạnh sự nỗ lực, chủ động, tích cực của các doanh nghiệp để đạt được những kết quả nhất định thì vẫn còn những tồn tại trong quá trình thực hiện pháp luật của người lao động, người sử dụng lao động và cả quá trình áp dụng của cơ quan quản lý nhà nước, làm hạn chế những hiệu quả, mục đích mong muốn khi xây dựng pháp luật ban đầu.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động

- Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật ATLĐ phải dựa trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

- Thứ hai, việc hoàn thiện pháp luật về ATLĐ phải được thực hiện đồng bộ giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cũng như đồng bộ với các chính sách pháp luật khác và các lĩnh vực khác có liên quan.

- Thứ ba, việc hoàn thiện pháp luật về ATLĐ phải đáp ứng được các yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển đất nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

- Thứ tư, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam về ATLĐ.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động

Một là, hoàn thiện quy định pháp luật về hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện công tác ATLĐ.

Hai là, hoàn thiện quy định pháp luật về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn.

Ba là, hoàn thiện quy định pháp luật về cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo môi trường làm việc an toàn.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp làm công tác ATLĐ.

Năm là, đổi mới quy định về mô hình quản lý, triển khai hoạt động huấn luyện ATLĐ của các tổ chức ATLĐ nói chung là mô hình rất hiệu quả và thống nhất, nhưng vẫn được xã hội hóa rất cao, giúp cho các doanh nghiệp, đối tượng huấn luyện được tiếp cận các dịch vụ huấn luyện một cách dễ dàng.

Sáu là, đổi mới quy định cách tiếp cận để phòng ngừa tai nạn, theo đó tiếp cận dựa vào rủi ro để tăng cường cấp độ ATLĐ trên tổng thể, tăng cường cách tiếp cận thông thường trong những lĩnh vực có nguy cơ cao, các mục tiêu và biện pháp cụ thể được mô tả rõ ràng trong các lĩnh vực ưu tiên, cải thiện liên tục cấp độ ATLĐ thông qua việc giới thiệu cách tiếp cận hệ thống quản lý ở cấp quốc gia.

Bảy là, đề xuất sửa đổi bổ sung quản lý khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo TNLĐ.

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn lao động

3.3.1. Một số giải pháp chung

Một là, tiếp tục đổi mới và triển khai sâu rộng công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về ATLĐ đến các đối tượng, chủ thể có liên quan.

Hai là, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, huấn luyện về ATLĐ và các hoạt động phòng ngừa, đánh giá rủi ro giúp doanh nghiệp và NLĐ chủ động phòng ngừa, hạn chế các TNLĐ, BNN.

Ba là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về ATLĐ theo kế hoạch do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt nhằm kịp thời phát hiện các sai phạm để ngăn ngừa TNLĐ.

3.3.2. Một số giải pháp tại tỉnh Quảng Bình

Một là, quan tâm triển khai thực hiện tốt việc khai báo, thống kê và báo cáo tình hình tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

Hai là, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn về công tác an toàn lao động.

Ba là, đối với tổ chức đại diện người lao động cần tăng cường quản lý và chỉ đạo hoạt động của mạng lưới an toàn viên.

Bốn là, nâng cao ý thức đảm bảo ATLĐ cho NLĐ.

Năm là, tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học về an toàn lao động.

Sáu là, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ làm công tác an toàn lao động phù hợp, đáp ứng nhiệm vụ công tác.

Bảy là, chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý, đặc biệt là các ngành, nghề có nguy cơ cao về mất an toàn lao động.

Tám là, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm về an toàn lao động.

Tiểu kết Chương 3

Từ thực tiễn thực hiện pháp luật về an toàn lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có thể thấy, pháp luật an toàn lao động hiện hành đã điều chỉnh kịp thời các quan hệ về an toàn lao động, điều kiện lao động phần nào được củng cố. Tuy nhiên, cũng từ thực tiễn này, chúng ta nhận ra được những bất cập trong một số quy định dẫn đến sự mâu thuẫn, thiếu đồng bộ và thống nhất trong hệ thống pháp luật; công tác tổ chức, cơ chế quản lý còn thiếu và yếu, không đáp ứng được nhu cầu thực tế; quá trình thực hiện chưa nghiêm túc, còn nhiều hạn chế, dẫn đến tình trạng tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình vẫn còn cao và diễn biến phức tạp trong những năm gần đây.

Để giải quyết được bài toán hóc búa này, mỗi thành phần trong xã hội, từ các cơ quan quản lý Nhà nước cho đến doanh nghiệp, người sử dụng lao động và cả người lao động đều phải chung tay, phải có trách nhiệm với những quy định, giải pháp mà mình đã đề ra, với những hành động, việc làm mà mình đã thực hiện.

KẾT LUẬN

Điều kiện tiên quyết của quá trình sản xuất, kinh doanh, đồng thời là trách nhiệm bắt buộc đối với người sử dụng lao động là phải bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người lao động, thiết lập được môi trường lao động an toàn, hạn chế tối đa những ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm, có hại, làm giảm tỷ lệ người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, góp phần ổn định sản xuất kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Hiện nay, tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp diễn ra ngày một phức tạp, đặc biệt số vụ tai nạn lao động càng ngày càng gia tăng, gây tổn thất không nhỏ cho sức người sức của của xã hội. Vì vậy, cần thiết phải đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất, kinh doanh, với việc: an toàn lao động là tổng thể các biện pháp đảm bảo cho người lao động được làm việc trong một điều kiện an toàn, không phải đối mặt với bất kỳ mối nguy hại nào về tính mạng, sức khỏe, đồng thời duy trì tốt khả năng làm việc lâu dài của người lao động.

Luận văn ***“Pháp luật về an toàn lao động, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình”*** đã cho thấy an toàn lao động là một biện pháp tất yếu, hiệu quả để có thể bảo vệ an toàn tính mạng và sức khỏe cho người lao động. Và để làm được điều này, cần có sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, đến mỗi doanh nghiệp và mỗi người lao động, có như vậy mới thiết lập được môi trường lao động an toàn, bảo vệ người lao động và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản pháp luật

1. Quốc hội (2015), *Luật An toàn, vệ sinh lao động*, Hà Nội.
2. Quốc hội (2019), *Bộ luật Lao động*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), *Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 18/9/2013 về đẩy mạnh công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Chỉ thị số 22/CT-TW ngày 05/6/2008 về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp*, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2015), *Chỉ thị số 47/CT-TW ngày 25/6/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2016), *Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2020), *Nghị định số 58/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2020), *Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc*, Hà Nội.
10. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), *Thông tư 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động*, Hà Nội.
11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2022), *Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại*, Hà Nội.

II. Tài liệu tham khảo

12. Phạm Văn Bình (2019), *An toàn lao động theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.
13. Cao đẳng Luật miền Trung (2020), *Giáo trình Luật Lao động Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

14. Bùi Thị Chuyên (2013), *Pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài và pháp luật Việt Nam về an toàn, vệ sinh lao động*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 26
15. Vũ Đức Duy (2016), “*Ngẫm về lời dạy của Bác - Bảo hộ lao động trong sản xuất than*”, tr. 26.
16. Đại học Công đoàn (2015), *Giáo trình Pháp luật lao động*, Nxb Lao động, Hà Nội.
17. Đại học Huế, Trường Đại học Luật (2019), *Hướng dẫn giải quyết tình huống học phần Luật Lao động*, Nxb Đại học Huế, Huế.
18. Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Lao động Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
19. Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật Lao động Việt Nam tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật Lao động Việt Nam tập 2*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
21. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật (2016), *Giáo trình Luật Lao động*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
22. TS. Lê Văn Đức (2020), *Pháp luật bảo hiểm thất nghiệp và thực tiễn thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình*, Quảng Bình.
23. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
24. ILO (1981), *Công ước số 155 về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường lao động*.
25. ILO (2018), *Cải thiện an toàn và sức khỏe cho lao động trẻ*.
26. Phạm Đăng Khoa (2015), *Giáo trình An toàn và vệ sinh lao động trong xây dựng*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
27. Nguyễn Hoàng Long (2020), *Hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
28. Vĩnh Lộc, Bảo Đoàn, Ngọc Hạnh, Quỳnh Tâm (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr. 6, tr. 368
29. Bùi Sỹ Lợi (2014), *Kiến nghị hoàn thiện pháp luật an toàn, vệ sinh lao động từ kinh nghiệm quốc tế*, Nghiên cứu lập pháp, số 23.
30. Trần Thanh Minh (2019), *Pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Ninh Thuận*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
31. Vũ Văn Như (2009), *Cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình quốc gia về An toàn vệ sinh lao động*, Tạp chí Lap động và Xã hội, tr. 354.
32. Hà Phương Thảo (2018), *Pháp luật an toàn lao động, vệ sinh lao động từ thực tiễn thực hiện tại tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

33. Hà Tất Thắng (2014), *Đổi mới công tác An toàn - vệ sinh lao động để hội nhập và phát triển bền vững*, Tạp chí Lao động và Xã hội, tr. 470-471.

34. Hà Tất Thắng (2017), *Thực hiện quy chuẩn quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động đáp ứng yêu cầu các cam kết quốc tế*, Tạp chí Lao động và Xã hội, tr. 542-543.

35. Đỗ Hồng Vân (2021), *Pháp luật về quyền lợi của người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.